

2451 6271 17H

BẢN DỊCH
TRANSLATION

DỰ THẢO
DRAFT

**YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC,
KINH NGHIỆM NHÀ ĐẦU TƯ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT**
**PRELIMINARY REQUIREMENTS ON CAPABILITY
AND EXPERIENCE OF INVESTORS REGISTERING
FOR INVESTMENT PROJECT WITH LAND USE**

DỊCH T
B/C: 121

*Tên dự án: Khu đô thị mới Hải Vân, thị trấn Bến Sung,
huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa*

**Project name: Hai Van New Urban Area, Ben Sung town, Nhu Thanh
district, Thanh Hoa province**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

*(Attached to Decision No. /QĐ-UBND dated2021 of the
Chairman of People's Committee of Thanh Hoa Province)*

A2Z CONSULTING AND TRANSLATION CO., LTD.
12 Nguyen Phong Sac, Dich Vong, Cau Giay, HN
Tel: 0966.779.888
Ha Noi, 20.1.9./2021..

CHƯƠNG I
CHAPTER I
CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ
GUIDELINES FOR INVESTORS

Mục 1. Nội dung mời quan tâm

Section 1. Content of invitation for expression of interest

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Sở Kế hoạch và Đầu tư) mời nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị mới Hải Vân, thị trấn Bến Sung, huyện Nhu Thành, tỉnh Thanh Hóa.

1. Thanh Hoa Province Department of Planning and Investment (hereinafter referred to as the Provincial Department of Planning and Investment) hereby invites interested investors to submit the Application for registration of executing the Project of Hai Van New Urban Area, Ben Sung town, Nhu Thanh district, Thanh Hoa province.

2. Thông tin về dự án:

2. Project information:

2.1. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2.1. Method of investor selection: Bidding to select investors in accordance with the provisions of Decree No. 25/2020/NĐ-CP of the Government.

2.2. Tên dự án: Khu đô thị mới Hải Vân, thị trấn Bến Sung, huyện Nhu Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Project name: Hai Van New Urban Area, Ben Sung town, Nhu Thanh district, Thanh Hoa province.

2.3. Mục tiêu dự án: Cụ thể hóa quy hoạch chi tiết được duyệt; hình thành khu ở mới, đáp ứng các nhu cầu về nhà ở, phục vụ đời sống, sinh hoạt của người dân trong khu vực, chỉnh trang bộ mặt đô thị; huy động được nguồn vốn đầu tư của các tổ chức kinh tế để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.3. Project objectives: Concretizing the approved detailed planning; forming new living quarters, aiming to meet the needs of residential houses, serve the lives and living activities of local people, contributing to embellish the urban landscape; mobilizing investment capital from economic institutions to implement site clearance and infrastructure construction; contributing to the local socio-economic development.

2.4. Quy mô dự án:

2.4. Project scale:

a) *Diện tích sử dụng đất: Khoảng 14,6ha (không bao gồm 2,3ha diện tích đất ở hiện trạng và 0,36ha diện tích đường giao thông N5, N8 trong 17,26ha tổng diện tích theo quy hoạch chi tiết được duyệt).*

a) *Land use area: About 14.6ha (excluding 2.3ha of current residential land area and 0.36ha of area for traffic at land lots N5, N8 out of the 17.26ha total area according to the detailed planning approved.)*

b) *Quy mô xây dựng: Đầu tư đồng bộ các công trình theo quy hoạch chi tiết được Chủ tịch UBND huyện Nhu Thanh phê duyệt tại Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 và định chính tại Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 10/6/2021, bao gồm các hạng mục:*

b) *Construction scale: Completely investing in the synchronous construction works according to the detailed planning approved by Chairman of the People's Committee of Nhu Thanh District under Decision No. 2056/QĐ-UBND dated May 22, 2020 and amended under Decision No. 1353/QĐ-UBND dated June 10, 2021, including the following works items:*

- *Đầu tư hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật (với diện tích đất khoảng 14,6ha, gồm các hạng mục: san nền, giao thông, cấp - thoát nước, cấp điện, điện chiếu sáng, công viên cây xanh, bãi đỗ xe, trạm xử lý nước thải,...) và công trình nhà văn hóa.*

- Completely investing in the technical infrastructure works (for an area of about 14.6ha, consisting of leveling, traffic, water supply - drainage, electricity supply, lighting, green parks, parking lots, wastewater treatment stations etc.) and cultural house.

- *Đầu tư phần thô, hoàn thiện mặt trước các công trình nhà ở liền kề (ký hiệu từ LK-1 đến LK-15), nhà ở biệt thự (ký hiệu từ BT-1 đến BT-3) và đầu tư hoàn thiện công trình thương mại dịch vụ (ký hiệu TM-DV), trường mầm non (ký hiệu TH:MN).*

- Investing in the rough part and finishing the facade of townhouses (marked from LK-1 to LK-15) and villas (marked from BT-1 to BT-3) and completely investing in the commercial and service works (marked TM-DV), preschool (marked TH:MN).

- c) *Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở: 372 căn nhà liền kề; 66 căn nhà biệt thự.*

- c) *Preliminary structure of housing products: 372 townhouses; 66 villas.*

- d) *Quy mô dân số: Khoảng 2.000 người.*

- d) *Population size: About 2,000.*

- e) *Quỹ đất phát triển nhà ở xã hội: Không.*

- e) *Land fund for social housing development: None.*

f) Sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án:

f) Preliminary plan for investment in construction and management of urban infrastructure (for inside and outside the project scope):

- Đối với hạ tầng trong phạm vi dự án: Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầu tư đồng bộ các công trình theo quy hoạch chi tiết được duyệt, bao gồm các hạng mục:

- Regarding to infrastructure in the scope of the project: The investor is accountable for synchronous investment in construction works according to the approved detailed planning, including the following items:

+ Đầu tư hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật (với diện tích đất khoảng 14,6ha, gồm các hạng mục: san nền, giao thông, cấp - thoát nước, cấp điện, điện chiếu sáng, công viên cây xanh, bãi đỗ xe, trạm xử lý nước thải,...) và công trình nhà văn hóa: Sau khi đầu tư hoàn thành các công trình này nhà đầu tư bàn giao lại cho nhà nước quản lý, sử dụng theo quy định.

+ Completely investing in the technical infrastructure works (for an area of about 14.6ha, consisting of leveling, traffic, water supply - drainage, electricity supply, lighting, green parks, parking lots, wastewater treatment stations etc.) and cultural houses. After completing these works, the investor will hand them over to the State for management and use according to the applicable regulations.

+ Đầu tư phần thô, hoàn thiện mặt trước các công trình nhà ở liền kề (ký hiệu từ LK-1 đến LK-15), nhà ở biệt thự (ký hiệu từ BT-1 đến BT-3) và đầu tư hoàn thiện công trình thương mại dịch vụ (ký hiệu TM-DV), trường mầm non (ký hiệu TH:MN): Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng dự án, nhà đầu tư được quyền khai thác, kinh doanh các hạng mục công trình đã đầu tư xây dựng.

+ Investing in the rough part, finishing the facade of townhouses (marked from LK-1 to LK-15), villas (marked from BT-1 to BT-3) and completely investing in the commercial and service works (marked TM-DV), kindergarten (marked TH: MN): After completing the project, the selected investor shall be entitled to operate and exploit these construction work items.

+ Đối với các lô đất dự kiến tái định cư cho các hộ dân phải di dời phục vụ giải phóng mặt bằng dự án (gồm 18 lô, ký hiệu TDC, diện tích 1.863m²): Sau khi đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, nhà đầu tư bàn giao cho nhà nước để bố trí tái định cư cho các hộ dân theo quy định.

+ Regarding to land plots expected to be used for the resettlement arrangement for the households whose houses or residential land have been revoked to implement site clearance (including 18 plots, marked TDC, with an area of 1,863m²): After synchronous investment in technical infrastructure works, the investor will hand them over to the state to arrange resettlement for the households according to regulations.

- Đối với hạ tầng đô thị ngoài phạm vi dự án: Các công trình hạ tầng đô thị ngoài phạm vi dự án do Nhà nước quản lý, tổ chức và cá nhân quản lý, sử dụng theo quy định.

- For urban infrastructure outside of the project scope: Urban infrastructure works outside of the project scope are managed by the State, managed and used by organizations and individuals according to the regulations.

2.5. Vốn đầu tư của dự án:

2.5. Project investment capital:

- Dự kiến sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: Khoảng 940,696 tỷ đồng; trong đó: Sơ bộ chi phí thực hiện dự án: 913,438 tỷ đồng; sơ bộ chi phí bồi thường, GPMB: 27,258 tỷ đồng.

- Preliminary total project implementation costs: about 940,696 billion VND; in which: Preliminary project implementation cost: 913,438 billion VND; Preliminary compensation and site clearance costs: 27,258 billion VND.

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư chiếm tối thiểu 20% tổng chi phí thực hiện dự án; phần còn lại nhà đầu tư chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện.

- The investor's equity accounts for at least 20% of the total project implementation cost; the investor is accountable for mobilizing the rest (80% of the total project implementation cost at maximum) from legal financial sources.

- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án chỉ là dự kiến, làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định; không sử dụng để tính toán tiền sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư trung thầu của dự án, việc xác định tiền sử dụng đất được thực hiện theo các quy định của pháp luật về đất đai.

- Preliminary total cost of project implementation is only estimated, which is considered as a basis to proceed investor selection procedures according to the regulations; this is not applied to calculate land use levy and financial obligations of the selected investor of the project, the land use levy calculation shall comply with the provisions of the land law.

2.6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm (được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất); người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất hoặc quyền sử dụng đất ở được sử dụng đất ổn định lâu dài theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.6. Project operation term: 50 years (*calculated from the date the investor is granted land allocation, land lease, change of land use purpose*); the entity who purchase residential land use rights or houses (including houses and residential land use rights) is entitled for the stable and long-term land use in accordance with the land law.

2.7. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh; cù

thể phạm vi, ranh giới như sau:

2.7. Project implementation location: Ben Sung town, Nhu Thanh district; Particularly, the scope and boundaries are as follows:

- Phía Bắc giáp chợ Bên Sung hiện trạng và bến xe theo quy hoạch;
- Border the current Ben Sung market and the bus station to the North as planned;
- Phía Nam giáp kênh Nông Giang hiện trạng;
- Border the current Nong Giang canal to the South;
- Phía Đông giáp khu dân cư hiện trạng;
- Border the current residential area to the East;
- Phía Tây giáp kênh Nông Giang hiện trạng.
- Border the current Nong Giang canal to the West.

2.8. *Tiến độ thực hiện dự án: 05 năm (kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư); dự kiến:*

2.8. Project implementation progress: 05 years (from the date of approval of investor selection results or investor approval); of which:

- Quý IV/2021 đến hết quý IV/2022: Hoàn thiện các thủ tục đầu tư và bồi thường, hỗ trợ tái định cư.
- Quarter IV/2021 to the end of Quarter IV/2022: Completing the procedure of investment, compensation and resettlement assistance.
- Quý I/2023 đến hết quý IV/2026: Thực hiện đầu tư và hoàn thành dự án.
- Quarter I/2023 to the end of Quarter IV/2026: Investing and completion of the project.

2.9. *Mục đích sử dụng đất: Theo quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền.*

2.9. Land use purpose: According to the decision on land allocation or land lease issued by the competent authority.

3. *Các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt: Theo các Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 và Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Nhu Thanh; cụ thể các chỉ tiêu quy hoạch được tổng hợp theo bảng sau:*

3. Approved planning criteria: According to the Decision No. 2056/QĐ-UBND dated May 22, 2020 and Decision No. 1353/QĐ-UBND dated June 10, 2021 of the Chairman of Nhu Thanh District People's Committee; The detail of planning criteria are listed in the following table:

3.1. *Bảng cơ cấu sử dụng đất:*

3.1. Table of land use structure:

ST T No.	CHỨC NĂNG SDĐ FUNCTION OF LAND	KÝ HIỆU MAR K	DIỆN TÍCH ĐẤT/ LAND AREA (M2)	MẶT ĐỘ XÂY DỰNG/ BUILD -ING DENSI TY (%)	TẦNG CAO Numbe r of FLOO RS	HỆ SỐ SDĐ TỐI ĐA MAXI -MUM LAND USE COEF -FICI E-NT	TỶ LỆ/ RATI O (%)	GHI CHÚ NOT -ES
TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN TOTAL PROJECT AREA			145.985,8 9				100,00	
I	ĐẤT Ở RESIDEN TIAL LAND		61.596,70				42,19	
1	<i>Đất ở mới chia lô liền kề (372 lô) New residential land divided into adjacent plots (372 plots)</i>	LK	38.837,50	80	3-5	4.0	26,60	
1.1	<i>Liên kè 1 (30 lô) Adjacent 1 (30 plots)</i>	LK-1	3.111,00	80	3-5	4.0	2,13	
1.2	<i>Liên kè 2 (18 lô) Adjacent 2 (18 plots)</i>	LK-2	1.903,00	80	3-5	4.0	1,30	
1.3	<i>Liên kè 3 (24 lô) Adjacent 3 (24 plots)</i>	LK-3	2.503,00	80	3-5	4.0	1,71	
1.4	<i>Liên kè 4 (32 lô) Adjacent 4 (32 plots)</i>	LK-4	3.200,00	80	3-5	4.0	2,19	
1.5	<i>Liên kè 5 (24 lô) Adjacent 5 (24 plots)</i>	LK-5	2.503,00	80	3-5	4.0	1,71	
1.6	<i>Liên kè 6</i>	LK-6	2.205,90	80	3-5	4.0	1,51	

	(20 lô) Adjacent 6 (20 plots)							
1.7	<i>Liền kề 7</i> (32 lô) Adjacent 7 (32 plots)	LK-7	3.311,00	80	3-5	4.0	2,27	
1.8	<i>Liền kề 8</i> (22 lô) Adjacent 8 (22 plots)	LK-8	2.291,00	80	3-5	4.0	1,57	
1.9	<i>Liền kề 9</i> (18 lô) Adjacent 9 (18 plots)	LK-9	1.903,00	80	3-5	4.0	1,30	
1.10	<i>Liền kề 10</i> (22 lô) Adjacent 10 (22 plots)	LK-10	2.291,00	80	3-5	4.0	1,57	
1.11	<i>Liền kề 11</i> (18 lô) Adjacent 11 (18 plots)	LK-11	1.903,00	80	3-5	4.0	1,30	
1.12	<i>Liền kề 12</i> (40 lô) Adjacent 12 (40 plots)	LK-12	4.208,10	80	3-5	4.0	2,88	
1.13	<i>Liền kề 13</i> (22 lô) Adjacent 13 (22 plots)	LK-13	2.233,50	80	3-5	4.0	1,53	
1.14	<i>Liền kề 14</i> (23 lô) Adjacent 14 (23 plots)	LK-14	2.463,30	80	3-5	4.0	1,69	
1.15	<i>Liền kề 15</i> (27 lô) Adjacent 15 (27 plots)	LK-15	2.807,70	80	3-5	4.0	1,92	
2	<i>Biệt thự (66 lô)</i> Villa (66 plots)	BT	20.896,20	60	2-4	2,4	14,31	
2.1	<i>Biệt thự 1</i> (20 lô) Villa 1 (20 plots)	BT-1	6.587,70	50-60	2-4	2,4	4,51	
2.2	<i>Biệt thự 2</i> (22 lô) Villa 2 (22 plots)	BT-2	7.011,30	60	2-4	2,4	4,80	
2.3	<i>Biệt thự 3</i>	BT-3	7.297,20	60	2-4	2,4	5,00	

	(24 lô) Villa 3 (24 plots)							
3	Đất ở tái định cư dạng liền kề (18 lô) Adjacent residential land for resettlement (18 plots)	TĐC	1.863,00	80	3-5	4.0	1,28	
III	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG PUBLIC WORKS LAND	CC	4.207,00	40	1-3	1,2	2,88	
1	Đất nhà văn hóa 1 Land for culture house 1	N VH	582,90	40	1-3	1.2	0,40	
2	Đất trường mầm non Land for preschool	TH:M N	3.624,10	40	1-3	1.5	2,48	
IV	ĐẤT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LAND FOR COMMERCIAL SERVICE WORKS	TM-DV	7.206,70	50	3-5	2,5	4,94	
V	ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH LAND FOR GREEN PARKS	CX	8.733,80	5	1	0.05	5,98	
VI	ĐẤT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI LAND FOR WASTE WATER TREATMENT STATION	XLNT	1.069,70	15	1	0.15	0,73	
VII	ĐẤT GIAO THÔNG -		63.172,09	-	-	-	43,27	

BÃI ĐỖ XE LAND FOR TRAFFIC – PARKING LOT								
1	<i>Đất bãi đỗ xe</i> Land for parking lot	BĐX	4.003,90	-	-	-	2,74	
2	<i>Đất giao thông phân lô</i> Lot-divided traffic land	GTPL	2.307,40	-	-	-	1,58	
3	<i>Đất giao thông</i> Traffic land		56.860,79	-	-	-	38,95	

3.2. *Bảng thống kê các lô đất ở:*

3.2. List of residential land plots:

ST T No.	KÝ HIỆU Ô ĐẤT PLOT MARK	HÀNG MỤC ITEM	D.TÍCH LÔ ĐẤT/ PLOT AREA (m²)	D.TÍCH X.DỤNG/ CONSTRU- CTION AREA (m²)	MẶT ĐỘ X.D TỐI ĐA/ MAX- IMUM BUILD- ING DEN- SITY (%)	SỐ LÔ (Lô) PLO T NUM -BER (Plot)
1	LK	NHÀ LIỀN KỀ TOWNHOUSES	38.837,48	31.069,98		372
1.1	LK1	LIỀN KỀ 1 T.HOUSES 1	3.111,00		80	30
		LK-1:01	155,50	124,4	80	
		LK-1:02	100,00	80	80	
		LK-1:03	100,00	80	80	
		LK-1:04	100,00	80	80	
		LK-1:05	100,00	80	80	
		LK-1:06	100,00	80	80	
		LK-1:07	100,00	80	80	
		LK-1:08	100,00	80	80	
		LK-1:09	100,00	80	80	
		LK-1:10	100,00	80	80	
		LK-1:11	100,00	80	80	
		LK-1:12	100,00	80	80	
		LK-1:13	100,00	80	80	
		LK-1:14	100,00	80	80	
		LK-1:15	100,00	80	80	
		LK-1:16	100,00	80	80	
		LK-1:17	100,00	80	80	
		LK-1:18	100,00	80	80	
		LK-1:19	100,00	80	80	

		LK-1:20	100,00	80	80	
		LK-1:21	100,00	80	80	
		LK-1:22	100,00	80	80	
		LK-1:23	100,00	80	80	
		LK-1:24	100,00	80	80	
		LK-1:25	100,00	80	80	
		LK-1:26	100,00	80	80	
		LK-1:27	100,00	80	80	
		LK-1:28	100,00	80	80	
		LK-1:29	100,00	80	80	
		LK-1:30	155,50	124,4	80	
1.2	LK2	LIÊN KẾ 2 T.HOUSES 2	1.903,00		80	18
		LK-2:01	100,00	80	80	
		LK-2:02	100,00	80	80	
		LK-2:03	100,00	80	80	
		LK-2:04	100,00	80	80	
		LK-2:05	100,00	80	80	
		LK-2:06	100,00	80	80	
		LK-2:07	100,00	80	80	
		LK-2:08	100,00	80	80	
		LK-2:09	147,50	118	80	
		LK-2:10	108,00	86,4	80	
		LK-2:11	108,00	86,4	80	
		LK-2:12	139,50	111,6	80	
		LK-2:13	100,00	80	80	
		LK-2:14	100,00	80	80	
		LK-2:15	100,00	80	80	
		LK-2:16	100,00	80	80	
		LK-2:17	100,00	80	80	
		LK-2:18	100,00	80	80	
1.3	LK3	LIÊN KẾ 3 T.HOUSES 3	2.503,00		80	24
		LK-3:01	147,50	118	80	
		LK-3:02	100,00	80	80	
		LK-3:03	100,00	80	80	
		LK-3:04	100,00	80	80	
		LK-3:05	100,00	80	80	
		LK-3:06	100,00	80	80	
		LK-3:07	100,00	80	80	
		LK-3:08	100,00	80	80	
		LK-3:09	100,00	80	80	
		LK-3:10	100,00	80	80	
		LK-3:11	100,00	80	80	
		LK-3:12	100,00	80	80	
		LK-3:13	100,00	80	80	
		LK-3:14	100,00	80	80	
		LK-3:15	100,00	80	80	
		LK-3:16	100,00	80	80	
		LK-3:17	100,00	80	80	

		LK-3:18	100,00	80	80	
		LK-3:19	100,00	80	80	
		LK-3:20	100,00	80	80	
		LK-3:21	100,00	80	80	
		LK-3:22	139,50	111,6	80	
		LK-3:23	108,00	86,4	80	
		LK-3:24	108,00	86,4	80	
1.4	LK4	LIÊN KẾ 4 T.HOUSES 4	3.200,00		80	32
		LK-4:01	100,00	80	80	
		LK-4:02	100,00	80	80	
		LK-4:03	100,00	80	80	
		LK-4:04	100,00	80	80	
		LK-4:05	100,00	80	80	
		LK-4:06	100,00	80	80	
		LK-4:07	100,00	80	80	
		LK-4:08	100,00	80	80	
		LK-4:09	100,00	80	80	
		LK-4:10	100,00	80	80	
		LK-4:11	100,00	80	80	
		LK-4:12	100,00	80	80	
		LK-4:13	100,00	80	80	
		LK-4:14	100,00	80	80	
		LK-4:15	100,00	80	80	
		LK-4:16	100,00	80	80	
		LK-4:17	100,00	80	80	
		LK-4:18	100,00	80	80	
		LK-4:19	100,00	80	80	
		LK-4:20	100,00	80	80	
		LK-4:21	100,00	80	80	
		LK-4:22	100,00	80	80	
		LK-4:23	100,00	80	80	
		LK-4:24	100,00	80	80	
		LK-4:25	100,00	80	80	
		LK-4:26	100,00	80	80	
		LK-4:27	100,00	80	80	
		LK-4:28	100,00	80	80	
		LK-4:29	100,00	80	80	
		LK-4:30	100,00	80	80	
		LK-4:31	100,00	80	80	
		LK-4:32	100,00	80	80	
1.5	LK5	LIÊN KẾ 5 T.HOUSES 5	2.503,00		80	24
		LK-5:01	100,00	80	80	
		LK-5:02	100,00	80	80	
		LK-5:03	100,00	80	80	
		LK-5:04	100,00	80	80	
		LK-5:05	100,00	80	80	
		LK-5:06	100,00	80	80	
		LK-5:07	100,00	80	80	

		LK-5:08	100,00	80	80	
		LK-5:09	100,00	80	80	
		LK-5:10	100,00	80	80	
		LK-5:11	100,00	80	80	
		LK-5:12	147,50	118	80	
		LK-5:13	108,00	86,4	80	
		LK-5:14	108,00	86,4	80	
		LK-5:15	139,50	111,6	80	
		LK-5:16	100,00	80	80	
		LK-5:17	100,00	80	80	
		LK-5:18	100,00	80	80	
		LK-5:19	100,00	80	80	
		LK-5:20	100,00	80	80	
		LK-5:21	100,00	80	80	
		LK-5:22	100,00	80	80	
		LK-5:23	100,00	80	80	
		LK-5:24	100,00	80	80	
1.6	LK6	LIÊN KẾ 6 T.HOUSES 6	2.205,95		80	20
		LK-6:01	178,83	143,1	80	
		LK-6:02	119,15	95,3	80	
		LK-6:03	103,66	82,9	80	
		LK-6:04	118,18	94,5	80	
		LK-6:05	186,13	148,9	80	
		LK-6:06	100,00	80	80	
		LK-6:07	100,00	80	80	
		LK-6:08	100,00	80	80	
		LK-6:09	100,00	80	80	
		LK-6:10	100,00	80	80	
		LK-6:11	100,00	80	80	
		LK-6:12	100,00	80	80	
		LK-6:13	100,00	80	80	
		LK-6:14	100,00	80	80	
		LK-6:15	100,00	80	80	
		LK-6:16	100,00	80	80	
		LK-6:17	100,00	80	80	
		LK-6:18	100,00	80	80	
		LK-6:19	100,00	80	80	
		LK-6:20	100,00	80	80	
1.7	LK7	LIÊN KẾ 7 T.HOUSES 7	3.311,00		80	32
		LK-7:01	100,00	80	80	
		LK-7:02	100,00	80	80	
		LK-7:03	100,00	80	80	
		LK-7:04	100,00	80	80	
		LK-7:05	100,00	80	80	
		LK-7:06	100,00	80	80	
		LK-7:07	100,00	80	80	
		LK-7:08	100,00	80	80	
		LK-7:09	100,00	80	80	

		LK-7:10	100,00	80	80	
		LK-7:11	100,00	80	80	
		LK-7:12	100,00	80	80	
		LK-7:13	100,00	80	80	
		LK-7:14	100,00	80	80	
		LK-7:15	100,00	80	80	
		LK-7:16	155,50	124,4	80	
		LK-7:17	108,00	86,4	80	
		LK-7:18	108,00	86,4	80	
		LK-7:19	139,50	111,6	80	
		LK-7:20	100,00	80	80	
		LK-7:21	100,00	80	80	
		LK-7:22	100,00	80	80	
		LK-7:23	100,00	80	80	
		LK-7:24	100,00	80	80	
		LK-7:25	100,00	80	80	
		LK-7:26	100,00	80	80	
		LK-7:27	100,00	80	80	
		LK-7:28	100,00	80	80	
		LK-7:29	100,00	80	80	
		LK-7:30	100,00	80	80	
		LK-7:31	100,00	80	80	
		LK-7:32	100,00	80	80	
1.8	LK8	LIÊN KẾ 8 T.HOUSES 8	2.291,00		80	22
		LK-8:01	145,50	116,4	80	
		LK-8:02	100,00	80	80	
		LK-8:03	100,00	80	80	
		LK-8:04	100,00	80	80	
		LK-8:05	100,00	80	80	
		LK-8:06	100,00	80	80	
		LK-8:07	100,00	80	80	
		LK-8:08	100,00	80	80	
		LK-8:09	100,00	80	80	
		LK-8:10	100,00	80	80	
		LK-8:11	100,00	80	80	
		LK-8:12	100,00	80	80	
		LK-8:13	100,00	80	80	
		LK-8:14	100,00	80	80	
		LK-8:15	100,00	80	80	
		LK-8:16	100,00	80	80	
		LK-8:17	100,00	80	80	
		LK-8:18	100,00	80	80	
		LK-8:19	100,00	80	80	
		LK-8:20	100,00	80	80	
		LK-8:21	100,00	80	80	
		LK-8:22	145,50	116,4	80	
1.9	LK9	LIÊN KẾ 9 T.HOUSES 9	1.903,00		80	18
		LK-9:01	100,00	80	80	

		LK-9:02	100,00	80	80	
		LK-9:03	100,00	80	80	
		LK-9:04	100,00	80	80	
		LK-9:05	100,00	80	80	
		LK-9:06	100,00	80	80	
		LK-9:07	100,00	80	80	
		LK-9:08	100,00	80	80	
		LK-9:09	147,50	118	80	
		LK-9:10	155,50	124,4	80	
		LK-9:11	100,00	80	80	
		LK-9:12	100,00	80	80	
		LK-9:13	100,00	80	80	
		LK-9:14	100,00	80	80	
		LK-9:15	100,00	80	80	
		LK-9:16	100,00	80	80	
		LK-9:17	100,00	80	80	
		LK-9:18	100,00	80	80	
1.10	LK10	LIÊN KẾ 10 T.HOUSES 10	2.291,00		80	22
		LK-10:01	145,50	116,4	80	
		LK-10:02	100,00	80	80	
		LK-10:03	100,00	80	80	
		LK-10:04	100,00	80	80	
		LK-10:05	100,00	80	80	
		LK-10:06	100,00	80	80	
		LK-10:07	100,00	80	80	
		LK-10:08	100,00	80	80	
		LK-10:09	100,00	80	80	
		LK-10:10	100,00	80	80	
		LK-10:11	100,00	80	80	
		LK-10:12	100,00	80	80	
		LK-10:13	100,00	80	80	
		LK-10:14	100,00	80	80	
		LK-10:15	100,00	80	80	
		LK-10:16	100,00	80	80	
		LK-10:17	100,00	80	80	
		LK-10:18	100,00	80	80	
		LK-10:19	100,00	80	80	
		LK-10:20	100,00	80	80	
		LK-10:21	100,00	80	80	
		LK-10:22	145,50	116,4	80	
1.11	LK11	LIÊN KẾ 11 T.HOUSES 11	1.903,00		80	18
		LK-11:01	100,00	80	80	
		LK-11:02	100,00	80	80	
		LK-11:03	100,00	80	80	
		LK-11:04	100,00	80	80	
		LK-11:05	100,00	80	80	
		LK-11:06	100,00	80	80	
		LK-11:07	100,00	80	80	

		LK-11:08	100,00	80	80	
		LK-11:09	147,50	118	80	
		LK-11:10	155,50	124,4	80	
		LK-11:11	100,00	80	80	
		LK-11:12	100,00	80	80	
		LK-11:13	100,00	80	80	
		LK-11:14	100,00	80	80	
		LK-11:15	100,00	80	80	
		LK-11:16	100,00	80	80	
		LK-11:17	100,00	80	80	
		LK-11:18	100,00	80	80	
1.12	LK12	LIỀN KÈ 12 T.HOUSES 12	4.208,08		80	40
		LK-12:01	155,50	124,4	80	
		LK-12:02	100,00	80	80	
		LK-12:03	100,00	80	80	
		LK-12:04	100,00	80	80	
		LK-12:05	100,00	80	80	
		LK-12:06	100,00	80	80	
		LK-12:07	100,00	80	80	
		LK-12:08	100,00	80	80	
		LK-12:09	100,00	80	80	
		LK-12:10	100,00	80	80	
		LK-12:11	100,00	80	80	
		LK-12:12	100,00	80	80	
		LK-12:13	100,00	80	80	
		LK-12:14	100,00	80	80	
		LK-12:15	100,00	80	80	
		LK-12:16	100,00	80	80	
		LK-12:17	100,00	80	80	
		LK-12:18	100,00	80	80	
		LK-12:19	100,00	80	80	
		LK-12:20	148,54	118,8	80	
		LK-12:21	148,54	118,8	80	
		LK-12:22	100,00	80	80	
		LK-12:23	100,00	80	80	
		LK-12:24	100,00	80	80	
		LK-12:25	100,00	80	80	
		LK-12:26	100,00	80	80	
		LK-12:27	100,00	80	80	
		LK-12:28	100,00	80	80	
		LK-12:29	100,00	80	80	
		LK-12:30	100,00	80	80	
		LK-12:31	100,00	80	80	
		LK-12:32	100,00	80	80	
		LK-12:33	100,00	80	80	
		LK-12:34	100,00	80	80	
		LK-12:35	100,00	80	80	
		LK-12:36	100,00	80	80	
		LK-12:37	100,00	80	80	

		LK-12:38	100,00	80	80	
		LK-12:39	100,00	80	80	
		LK-12:40	155,50	124,4	80	
1.13	LK13	LIỀN KÈ 13 T.HOUSES 13	2.233,50		80	22
		LK-13:01	145,50	116,4	80	
		LK-13:02	100,00	80	80	
		LK-13:03	100,00	80	80	
		LK-13:04	100,00	80	80	
		LK-13:05	100,00	80	80	
		LK-13:06	100,00	80	80	
		LK-13:07	100,00	80	80	
		LK-13:08	100,00	80	80	
		LK-13:09	100,00	80	80	
		LK-13:10	100,00	80	80	
		LK-13:11	100,00	80	80	
		LK-13:12	95,00	76	80	
		LK-13:13	95,00	76	80	
		LK-13:14	95,00	76	80	
		LK-13:15	95,00	76	80	
		LK-13:16	95,00	76	80	
		LK-13:17	95,00	76	80	
		LK-13:18	95,00	76	80	
		LK-13:19	95,00	76	80	
		LK-13:20	95,00	76	80	
		LK-13:21	95,00	76	80	
		LK-13:22	138,00	110,4	80	
1.14	LK14	LIỀN KÈ 14 T.HOUSES 14	2.463,29		80	23
		LK-14:01	137,93	110,3	80	
		LK-14:02	103,99	83,2	80	
		LK-14:03	107,01	85,6	80	
		LK-14:04	110,02	88,0	80	
		LK-14:05	113,03	90,4	80	
		LK-14:06	116,05	92,8	80	
		LK-14:07	175,26	140,2	80	
		LK-14:08	100,00	80	80	
		LK-14:09	100,00	80	80	
		LK-14:10	100,00	80	80	
		LK-14:11	100,00	80	80	
		LK-14:12	100,00	80	80	
		LK-14:13	100,00	80	80	
		LK-14:14	100,00	80	80	
		LK-14:15	100,00	80	80	
		LK-14:16	100,00	80	80	
		LK-14:17	100,00	80	80	
		LK-14:18	100,00	80	80	
		LK-14:19	100,00	80	80	
		LK-14:20	100,00	80	80	
		LK-14:21	100,00	80	80	

		LK-14:22	100,00	80	80	
		LK-14:23	100,00	80	80	
1.15	LK15	LIỀN KÈ 15 T.HOUSES 15	2.807,66		80	27
		LK-15:01	100,00	80	80	
		LK-15:02	100,00	80	80	
		LK-15:03	100,00	80	80	
		LK-15:04	100,00	80	80	
		LK-15:05	100,00	80	80	
		LK-15:06	100,00	80	80	
		LK-15:07	100,00	80	80	
		LK-15:08	100,00	80	80	
		LK-15:09	100,00	80	80	
		LK-15:10	100,00	80	80	
		LK-15:11	135,90	108,7	80	
		LK-15:12	100,52	80,4	80	
		LK-15:13	101,80	81,4	80	
		LK-15:14	103,08	82,5	80	
		LK-15:15	104,36	83,5	80	
		LK-15:16	105,64	84,5	80	
		LK-15:17	156,36	125,1	80	
		LK-15:18	100,00	80	80	
		LK-15:19	100,00	80	80	
		LK-15:20	100,00	80	80	
		LK-15:21	100,00	80	80	
		LK-15:22	100,00	80	80	
		LK-15:23	100,00	80	80	
		LK-15:24	100,00	80	80	
		LK-15:25	100,00	80	80	
		LK-15:26	100,00	80	80	
		LK-15:27	100,00	80	80	
2		NHÀ BIỆT THỰ VILLAS	20.896,20			
2.1	BT1	BIỆT THỰ 1 VILLAS 1	6.587,70			20
		BT-1:01	474,20	284,5	60	
		BT-1:02	300,00	180	60	
		BT-1:03	300,00	180	60	
		BT-1:04	300,00	180	60	
		BT-1:05	300,00	180	60	
		BT-1:06	300,00	180	60	
		BT-1:07	300,00	180	60	
		BT-1:08	300,00	180	60	
		BT-1:09	300,00	180	60	
		BT-1:10	395,50	237,3	60	
		BT-1:11	395,50	237,3	60	
		BT-1:12	300,00	180	60	
		BT-1:13	300,00	180	60	
		BT-1:14	300,00	180	60	
		BT-1:15	300,00	180	60	

		BT-1:16	300,00	180	60	
		BT-1:17	300,00	180	60	
		BT-1:18	300,00	180	60	
		BT-1:19	300,00	180	60	
		BT-1:20	522,50	313,5	60	
2.2	BT2	BIỆT THỰ 2 VILLAS 2	7.011,30			22
		BT-2:01	404,00	242,4	60	
		BT-2:02	300,00	180	60	
		BT-2:03	300,00	180	60	
		BT-2:04	300,00	180	60	
		BT-2:05	300,00	180	60	
		BT-2:06	300,00	180	60	
		BT-2:07	300,00	180	60	
		BT-2:08	300,00	180	60	
		BT-2:09	300,00	180	60	
		BT-2:10	300,00	180	60	
		BT-2:11	411,90	247,1	60	
		BT-2:12	411,90	247,1	60	
		BT-2:13	300,00	180	60	
		BT-2:14	300,00	180	60	
		BT-2:15	300,00	180	60	
		BT-2:16	300,00	180	60	
		BT-2:17	300,00	180	60	
		BT-2:18	300,00	180	60	
		BT-2:19	300,00	180	60	
		BT-2:20	300,00	180	60	
		BT-2:21	300,00	180	60	
		BT-2:22	383,50	230,1	60	
2.3	BT3	BIỆT THỰ 3 VILLAS 3	7.297,20			24
		BT-3:01	315,50	189,3	60	
		BT-3:02	300,00	180	60	
		BT-3:03	300,00	180	60	
		BT-3:04	300,00	180	60	
		BT-3:05	300,00	180	60	
		BT-3:06	300,00	180	60	
		BT-3:07	300,00	180	60	
		BT-3:08	300,00	180	60	
		BT-3:09	283,30	167	60	
		BT-3:10	300,00	180	60	
		BT-3:11	300,00	180	60	
		BT-3:12	315,50	189,3	60	
		BT-3:13	315,50	189,3	60	
		BT-3:14	300,00	180	60	
		BT-3:15	300,00	180	60	
		BT-3:16	351,90	211,1	60	
		BT-3:17	300,00	180	60	
		BT-3:18	300,00	180	60	
		BT-3:19	300,00	180	60	

		BT-3:20	300,00	180	60	
		BT-3:21	300,00	180	60	
		BT-3:22	300,00	180	60	
		BT-3:23	300,00	180	60	
		BT-3:24	315,50	189,3	60	
3	TĐC	TÁI ĐỊNH CỦ RESETTLEMENT	1863,0			18
		TĐC: 01	100	80	80	
		TĐC: 02	100	80	80	
		TĐC: 03	100	80	80	
		TĐC: 04	100	80	80	
		TĐC: 05	100	80	80	
		TĐC: 06	100	80	80	
		TĐC: 07	100	80	80	
		TĐC: 08	100	80	80	
		TĐC: 09	155,5	124,4	80	
		TĐC: 10	147,5	118	80	
		TĐC: 11	95	76	80	
		TĐC: 12	95	76	80	
		TĐC: 13	95	76	80	
		TĐC: 14	95	76	80	
		TĐC: 15	95	76	80	
		TĐC: 16	95	76	80	
		TĐC: 17	95	76	80	
		TĐC: 18	95	76	80	
		TỔNG CỘNG TOTAL	61.596,68			

3.3. Tổ chức không gian đô thị:

3.3. Urban space arrangement:

- Các lô đất ở được thiết kế đồng bộ đảm bảo mỹ quan đô thị, kiến trúc cảnh quan tuyến phố và thân thiện với môi trường.

- The residential land plots should be designed synchronously to ensure urban harmony, street landscape architecture and environmental friendliness.

- Cây xanh bóng mát và cảnh quan được bố trí phù hợp với chức năng của khu vực. Cần được trồng các loại có tán lớn, tuổi thọ cao, ít gãy đổ.

- Trees for shade and landscape are arranged in accordance with the function of the area, which are large crown, long life, less breakage.

3.4. Định hướng hạ tầng kỹ thuật:

3.4. Orientation of technical infrastructure:

- San nền: Giải pháp thiết kế là san nền dốc từ trong lô đất ra các tuyến đường chạy bao quanh với độ dốc san nền nhỏ nhất là $i = 0,4\%$. Hướng dốc chung của toàn bộ khu vực theo hướng cao ở phía Bắc thấp dần về phía Nam.

- Leveling: The design solution is to level the slope from the land plot outward to the surrounding roads with the minimum leveling slope $i = 0.4\%$. The general slope of the whole area is high in the North and lower in the South.

+ Cao độ san nền cao nhất: + 15,30m

+ Highest leveling elevation: + 15.30m

+ Cao độ san nền thấp nhất: + 12,50m

+ Lowest leveling elevation: + 12.50m

- Giao thông: Các tuyến đường giao thông trong khu vực được xây dựng với kết cấu áo đường đảm bảo tiêu chuẩn và có chiều rộng lô giới khác nhau để đảm bảo tính chất sử dụng. Các tuyến đường đối ngoại có lô giới gồm: 12m, 18m, 29m. Các tuyến đường đối nội có lô giới gồm: 17.5m, 18m.

- Traffic: Traffic routes in the area are built with standard pavement structure and have different road widths to ensure suitability in usage. The street right-of-way lines of external roads are 12m, 18m and 29m, respectively. The street right-of-way lines of internal roads are 17.5m and 18m, respectively.

- Cáp điện: Căn cứ vào nhu cầu sử dụng điện của khu vực nghiên cứu xây dựng mới 04 trạm biến áp gam công suất từ 400KVA–630KVA, có tổng công suất 2.060,0KVA. Các tuyến đường chính trong khu vực được chiếu sáng bằng đèn cao áp S250W lắp trên cột thép cao 11m. Hệ thống điện chiếu sáng được điều khiển bằng tủ điện chiếu sáng trọn bộ và được lập trình đóng cắt theo thời gian định trước.

- Power supply: Based on the electricity demand of the area, consider to build 04 new transformer stations with capacity from 400KVA–630KVA, with a total capacity of 2,060.0KVA. The main roads in the area are illuminated by S250W high pressure lamps mounted on 11m high steel poles. The lighting system is controlled by a complete lighting switchboard and is programmed to turn on/off at a predetermined time.

- Cáp nước: Nguồn nước cấp cho khu vực được lấy từ đường ống cấp nước D250 hiện có phía Bắc khu đất lập quy hoạch dẫn nước từ trạm cấp nước sạch thị trấn Bến Sung công suất hiện tại là 1.500,0 m³/ngđ.

- Water supply: The water supply for the area is taken from the existing D250 water supply pipeline in the North of the planned land to conduct water from the clean water supply station in Ben Sung town with the current capacity of 1,500.0 m³/day.

- Thoát nước: Thiết kế tuyến cống B1000 theo hướng Bắc Nam trên tuyến đường D3 và tuyến cống B800 theo hướng Đông Tây trên tuyến đường N1 để hoàn trả tuyến mương đất hiện có của khu vực. Mạng lưới phân tán để giảm kích thước đường cống. Hệ thống thoát nước sử dụng cống có kích thước B500- B1200. Độ sâu chôn cống ban đầu H = 0,5m. Giếng thu kiểu trực tiếp có khoảng cách 30-50m.

- Drainage: Design sewer pipeline B1000 in the north-south direction on the D3 road and the sewer pipeline B800 in the east-west direction on the N1

road to restore the existing ditches of the area. The network will be distributed to reduce sewer pipeline size. The drainage system uses culverts of B500-B1200 sizes. Initial burial depth H = 0.5m. The distance of direct collection wells of 30-50m.

- *Thoát nước thải:* Nước thải được thu gom qua hệ thống đường ống trên các tuyến đường sau đó thoát về cống D300 trên tuyến đường N6 và được dẫn về trạm xử lý nước thải của khu đô thị với công suất 400,00m³/ng. Nước thải sẽ được xử lý đạt đúng tiêu chuẩn sau đó được thoát ra hồ điều hòa và chảy theo cống ngầm qua kênh Nông Giang....hoặc sẽ được tận dụng làm nước tưới cây, rửa đường...

- Wastewater drainage: Wastewater is collected through the pipeline system on the roads, then drained to the D300 sewer on the N6 route and led to the wastewater treatment station of the urban area with a capacity of 400.00m³/day. Wastewater will be treated as standards, then discharged to the conditioned lake and flowed through the underground sewer along Nong Giang canal....or will be used as water for watering plants, washing roads etc.

- *Chất thải rắn và vệ sinh môi trường:* Trong các khu chức năng, khu vực cây xanh và các đường dạo bộ trí các thùng rác nhỏ có nắp đậy kín đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh. Khoảng cách các thùng rác khoảng 100m/thùng. Không xây dựng trạm xử lý rác riêng cho dự án.

- Solid waste and environmental sanitation: In functional areas, green areas and walkways, small trash bins with tight lids shall be arranged to ensure hygiene standards. The distance between the trash bins is about 100m/bin. Separate waste treatment station for the project shall not be built.

4. Hiện trạng khu đất: Khu đất quy hoạch dự án có một phần là đất ở dân cư, còn chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp. Đất đang giao cho các hộ gia đình quản lý, sử dụng.

4. Current status of the land: The land area planned for the project is partly residential land and mainly agricultural production land. Land is allocated to households for management and use.

5. Các thông tin khác về dự án: Không áp dụng

5. Other information about the project: Not applicable.

6. Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2021.

6. Deadline for submission of registration dossiers:hour.....minute, date.....month.....year 2021.

Mục 2. Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

Section 2. Preliminary requirements on capability and experience of investors

Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm yêu cầu về năng lực tài chính và kinh nghiệm. Nội dung chi tiết theo Chương II.

Preliminary requirements on capability and experience of investors include requirements on financial capability and experience. Details are in Chapter II.

Mục 3. Làm rõ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

Section 3. Clarification of preliminary requirements on capability and experience of investors

1. Trường hợp nhà đầu tư muốn được làm rõ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, nhà đầu tư phải gửi đề nghị làm rõ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa bằng văn bản hoặc thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối thiểu 05 ngày làm việc để xem xét, xử lý.

1. In cases where the investors want to have the preliminary requirements on capability and experience clarified, a request for clarification must be sent to the Department of Planning and Investment of Thanh Hoa province by the investors in writing or via the National Bidding Network System no later than 5 days before the deadline for project registration dossier submission for consideration and handling.

2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ theo thời gian quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa tiến hành làm rõ và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư để nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương này.

2. After receiving the written request for clarification within the stipulated time, the Department of Planning and Investment of Thanh Hoa province will clarify and post the clarification on the National Bidding Network System no later than 2 days before the deadline for project registration dossier submission, including the content of clarification request without any information of the requester. In case where the clarification leads to the modification of preliminary requirements on capability and experience, Section 4 of this Chapter shall be applied.

Mục 4. Sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

Section 4. Modification of preliminary requirements on capability and experience of investors

1. Trường hợp sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối thiểu 10 ngày.

1. In case where modifications in preliminary requirements on capability and experience are available, the Department of Planning and Investment of

Thanh Hoa province shall post a copy of the decision on modifications with the detail of modifications on the National Bidding Network System no later than 10 days before the deadline for project registration dossier submission.

2. Trường hợp thời gian thông báo sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng quy định tại Mục 4.1, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa thực hiện thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tương ứng để bảo đảm quy định nêu trên. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 6.3.

2. In case the time of publishing modifications of preliminary requirements on capability and experience does not meet the requirements in Section 4.1, the Department of Planning and Investment of Thanh Hoa province shall accordingly extend the deadline to comply with the above regulations. The extension shall comply with the regulations of Section 6.3.

Mục 5. Ngôn ngữ sử dụng

Section 5. Language

Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư liên quan đến việc mời quan tâm phải được viết bằng ngôn ngữ sau: Tiếng Việt.

The project registration dossier as well as all correspondence and documents exchanged between the investors and Thanh Hoa Province Department of Planning and Investment shall be written in Vietnamese.

Mục 6. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và thời hạn nộp

Section 6. Project registration dossier and deadline for submission

1. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án do nhà đầu tư chuẩn bị phải bao gồm: Văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các biểu mẫu và các tài liệu có liên quan theo quy định tại Chương III.

1. The project registration dossier prepared by the investors must include: Project implementation registration form; dossier of legal status, capacity and experience of investors; the relevant forms and documents as prescribed in Chapter III.

2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước giờ phút, ngày tháng năm 2021.

2. The investors shall submit their project registration dossiers on the National Bidding Network System before hr min, dated 2021.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa có thể gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trong trường hợp sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư theo quy định tại Mục 4 Chương này, cần tăng thêm số lượng nhà đầu tư theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Mục 9 Chương này hoặc các trường hợp cần thiết khác. Khi gia hạn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh

Hóá thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và gửi thông báo đến tất cả các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (nếu có) về thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

3. The Department of Planning and Investment of Thanh Hoa province may extend the deadline in cases where there are modifications in the preliminary requirements on capability and experience of investors as prescribed in Section 4 of this Chapter, or it is necessary to increase the number of investors as prescribed at Point b of Clause 2 under Section 9 of this Chapter or other required circumstances. Upon extension, the Department of Planning and Investment of Thanh Hoa province will post an announcement on the National Bidding Network System and send its notification to all investors who submitted the project registration dossiers (if any) regarding the deadline for project registration dossier submission.

Mục 7. Sửa đổi, thay thế hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

Section 7. Modification and replacement of project registration dossiers

Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể thay thế hoặc sửa đổi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án bằng cách nộp bổ sung các hồ sơ, tài liệu có liên quan trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

After submission, the investors can replace or modify their project registration dossiers by adding more relevant files and documents via the National Bidding Network System before the deadline for project registration dossier submission.

Mục 8. Làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

Section 8. Clarification of project registration dossiers

Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa. Tất cả yêu cầu làm rõ và phản hồi của nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

The investors are responsible for clarification of their project registration dossiers at the request of the Department of Planning and Investment of Thanh Hoa province. All requests for clarification and correspondence of investors must be made on the National Bidding Network System.

Mục 9. Thông báo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư

Section 9. Announcement of results of preliminary assessment on capability and experience of investors

1. Sau khi có kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

1. After assessing the preliminary assessment on capability and experience of investors, the Department of Planning and Investment of Thanh Hoa province will post the result and a list of qualified investors on the National Bidding Network System.

2. *Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu, trước khi đăng tải thông tin theo quy định tại khoản 1 Mục này, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo một trong hai phương án sau đây:*

2. In case only one investor qualifies the requirements, before publishing the information as prescribed in Clause 1 of this Section, Thanh Hoa Department of Planning and Investment shall report to the Chairman of the Provincial People's Committee for considering and deciding under one of the following two options:

a) *Phương án 1: Thông báo và hướng dẫn nhà đầu tư nộp hồ sơ để nghị chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật khác có liên quan theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được bổ sung tại Khoản 6 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ).*

a) Option 1: To notify and guide the investor to submit the application for investor approval in accordance with the provisions of the investment law and other relevant laws as prescribed in Clause 5, Article 13 of the Decree. No. 25/2020/NĐ-CP (to be supplemented in Clause 6, Article 108 of Decree No. 31/2021/NĐ-CP dated March 26, 2021 of the Government).

b) *Phương án 2: Gia hạn thời gian đăng ký thực hiện dự án. Thời gian gia hạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và sẽ được thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu không phải nộp lại hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.*

b) Option 2: To extend the deadline for project implementation registration. The extension time is decided by the Chairman of the Provincial People's Committee and will be announced on the National Bidding Network System. The investor who has met the requirements does not have to resubmit the project registration dossier.

Sau khi gia hạn, trường hợp có thêm nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo khoản 3 Mục này. Trường hợp không có thêm nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

After the extension, if there are more investors meet the preliminary requirements on capability and experience, Clause 3 of this Section shall apply. If no more investor meets the preliminary requirements on capability and experience, the provisions of Point a of this Clause shall be applied.

3. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trả lời đáp ứng yêu cầu, việc lựa chọn nhà đầu tư sẽ được thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 10 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP. Hồ sơ mời thầu được phát hành rộng rãi cho các nhà đầu tư, bao gồm cả các nhà đầu tư ngoài danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm.

3. In case where there are at least two qualified investors, the selection of investors will be carried out in the form of open bidding as prescribed in Clause 1 or Clause 2 Article 10 of Decree No. 25/ 2020/NĐ-CP. Bidding documents are widely released to investors, including ones those are not on the list of qualified investors.

CHƯƠNG II
CHAPTER II
YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
PRELIMINARY REQUIREMENTS ON CAPABILITY AND
EXPERIENCE OF INVESTORS

TT No.	Nội dung Content	Yêu cầu Requirement
1	<p><i>Năng lực tài chính</i> Financial capability</p>	<p><i>Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp: 188.140.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám tỷ, một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).</i></p> <p>The minimum equity that the investor needs is: 188,140,000,000 VND (One hundred and eighty eight billion, one hundred and forty million Vietnamese dong).</p> <p><i>Trường hợp liên danh, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần vốn góp chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu.</i></p> <p>In the case of a partnership, the equity of investor in partnership is the total equity of partnership members. Simultaneously, each partnership member must meet the requirements corresponding to their portion of capital contribution to the equity under a partnership agreement. If any member of the partnership is assessed as unsatisfactory, the partnership investor is assessed as failing to meet the equity requirement.</p> <p><i>Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 15% trong liên danh.</i></p> <p>The leading partnership investor must hold at least 30% of the equity while each partnership</p>

		member must hold at least 15% of the equity in a partnership.
2	Kinh nghiệm Experience	<p><i>Số lượng tối thiểu các dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính: 01 dự án loại 1. Cách xác định dự án như sau:</i></p> <p>The minimum number of projects that the investor or partnership member or their project partners who have attended as investors contributing the equity or main contractor: 01 Class-1 project. The project classification is as follows:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Loại 1: Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư hoặc dự án phát triển nhà ở mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</i> - Class 1: A project is in the field of investment and construction of urban areas, residential areas or housing development projects, in which the investor has participated as an equity contributor and fully satisfied the following conditions: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Dự án có tổng mức đầu tư tối thiểu bằng: 470.350.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn).</i> + A project, in which the minimum total investment capital of: 470,350,000,000 VND (<i>Four hundred and seventy billion, three hundred and fifty million Vietnamese dong</i>). + <i>Dự án mà nhà đầu tư có phần giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng: 94.070.000.000 đồng (Chín mươi tư tỷ, không trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).</i> + A project, in which the investor held minimum equity of: 94,070,000,000 VND (<i>Ninety-four billion, one hundred and seventy million Vietnamese dong</i>). + <i>Dự án đã hoàn thành giai đoạn xây dựng trong năm gần đây 05 năm trở lại đây.</i> + A project, in which the construction stage has

	<p>has been completed in the past 5 years.</p> <p>- <i>Loại 2: Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị (hoặc khu nhà ở) hoặc dự án phát triển nhà ở hoặc xây dựng công trình giao thông ở đô thị mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính thực hiện các gói thầu xây lắp và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</i></p> <p>- Class 2: A project is in the field of investment and construction of technical infrastructure works in urban areas (or residential areas) or a project is in the field of housing development or construction of traffic works in urban areas, in which the investor has attended as a main contractor in charge of implementing the construction and installation packages and fully satisfied the following conditions:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Giá trị phần công việc nhà đầu tư tham gia trong gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng: 248.835.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám tỷ, tám trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn).</i> + The minimum value of the work in package/contract that the investor has implemented is 248,835,000,000 VND (<i>Two hundred and forty eight billion, eight hundred and thirty five million Vietnamese dong</i>). + <i>Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trong 05 năm gần đây.</i> + The package/contract has been completed in the last 5 years. <p>- <i>Loại 3: Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị (hoặc khu nhà ở) hoặc dự án phát triển nhà ở hoặc xây dựng công trình giao thông ở đô thị mà đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính thực hiện các gói thầu xây lắp và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</i></p> <p>- Class 3: A project is in the field of investment and construction of technical infrastructure works in urban areas (or residential areas) or a project is in the field of housing development or construction of traffic works in urban areas, in</p>
--	---

	<p>which the project partner has participated as a main contractor in charge of implementing the construction and installation packages and fully satisfied the following conditions:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị phần công việc đối tác cùng thực hiện tham gia trong gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng: 248.835.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám tỷ, tám trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn). + The minimum value of the work in package/contract that the project partner has implemented is 248,835,000,000 VND (Two hundred and forty eight billion, eight hundred and thirty five million Vietnamese dong). + Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trong 05 năm gần đây. + The package/contract has been completed in the last 5 years. <p><i>Kinh nghiệm của nhà đầu tư bằng tổng số dự án của nhà đầu tư/thành viên liên danh và đối tác đã thực hiện.</i></p> <p>The investor's experience is calculated as total number of projects implemented by the investor/partnership member and project partner.</p> <p><i>Các dự án/gói thầu nhà đầu tư/đối tác thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá.</i></p> <p>Projects/packages implemented by the investor/project partner must meet the technical and quality requirements under the signed contract to be considered and assessed.</p>
3	<p><i>Tiêu chí khác</i> Other criteria</p> <p><i>Không áp dụng</i> Not applicable</p>

Ghi chú/ Note:

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, năng lực tài chính của nhà đầu tư được đánh giá trên cơ sở báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối đa 28 ngày.

- In case the investor is an entity newly incorporated in the assessment year, its financial capabilities shall be assessed with reference to its financial

statement audited by an independent audit body in the period from the incorporation date to at most 28 days prior to the deadline of project registration dossier submission.

- *Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 02 tại Chương III.*

- The investor's equity is determined on the basis of the investor's financial data updated within a maximum period of 28 days prior to the deadline for project registration dossier submission and commitment on mobilization of the investor's equity. The investor must declare any information and provide any documents on financial capability according to Form No. 02 in Chapter III.

Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư = Tổng vốn chủ sở hữu - Chi phí liên quan đến kiện tụng - Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có) - Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định (Vốn chủ sở hữu dùng riêng cho phân bổ hoặc theo yêu cầu pháp lý quy định với Nhà đầu tư; Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo yêu cầu dự phòng đặc biệt cho các trường hợp có thể xảy ra; Vốn chủ sở hữu khác được cam kết sẽ hoàn lại và không dùng cho tuyên bố cổ tức,...).

The investor's remaining equity = Total equity - Litigation-related cost - Committed equity for ongoing projects and other long-term investments (if any)

- Equity must be retained in accordance with the regulations (Equity used exclusively for allocation or in accordance with the legal requirements applied for the Investor; Equity must be retained in accordance with the special provision requirements for possible circumstances; It is committed to refund other equity without any use for dividend declaration, etc.).

- *Nhà đầu tư cung cấp kinh nghiệm của mình theo Mẫu số 03 tại Chương III. Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất.*

- The investor shall declare its experience using Form No. 03 in Chapter III. The experience in implementing one similar project is declared only once.

Đối tác cùng thực hiện dự án bao gồm: Tổ chức cung cấp tài chính; Nhà thầu xây dựng; Nhà thầu vận hành, quản lý.

Project partners including: Financing organization; Construction contractor; Operation and management contractor.

Cách thức quy đổi các dự án: 01 dự án thuộc loại 2, 3 bằng 0,5 dự án thuộc loại 1. Trường hợp số lượng dự án sau khi quy đổi không phải là số nguyên thì làm tròn như sau: Phần thập phân $\leq 0,5$ thì tính bằng 0, phần thập phân $> 0,5$ thì tính bằng 01 dự án.

Project conversion method: 01 Class-2/Class-3 project is equal to 0.5 Class-1 project. In case the number of projects after conversion is not an integer, rounding method is applied as follows: If the decimal part is equal or less than 0.5 it will be counted as 0; if the decimal part is more than 0.5 it will be counted as 01 project.

- *Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng mức đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.*

- For projects those have not yet clearly determined the total investment value in the approval documents and project contracts, the investors must provide any supporting documents to determine this value.

- *Nhà đầu tư phải cung cấp các biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng đối với các dự án/gói thầu đã thực hiện.*

- The investor must provide a minutes of acceptance, contract liquidation or certification of a State agency to prove the satisfaction of technical and quality requirements for the implemented projects/packages.

(*) *Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và về những thiệt hại phát sinh từ hành vi kê khai thông tin không chính xác, giả mạo nội dung hồ sơ, tài liệu trong quá trình tham gia thực hiện dự án.*

(*) The investor must take all the responsibility before the law for the truthfulness and accuracy of project registration dossiers for the damage arising from the act of declaring inaccurate information, falsifying the content of dossiers and documents during the project implementation.

CHƯƠNG III
CHAPTER III
CÁC BIỂU MÃU
FORMS

- 1. Mẫu số 01: Thông tin về nhà đầu tư*
1. Form No. 01: Information on investors
- 2. Mẫu số 02: Năng lực tài chính của nhà đầu tư*
2. Form No. 02: Financial capability of investors
- 3. Mẫu số 03: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự*
3. Form No. 03: Experience in implementing similar projects

Mẫu số 01

Form No. 01

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN
INFORMATION ON INVESTORS AND THEIR PROJECT PARTNERS

I. Thông tin về nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽¹⁾

I. Information on investors/partnership members⁽¹⁾

1. *Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:*

1. Name of investor/partnership member:

2. *Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư/thành viên liên danh:*

2. Licensing country of investor/partnership member:

3. *Năm thành lập:*

3. Year of incorporation:

4. *Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:*

4. Legal address of investor/partnership member at the licensing country:

5. *Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh:*

5. Information on legal representative of investor/partnership member:

- *Tên:*

- Full name:

- *Địa chỉ:*

- Address:

- *Số điện thoại/fax:*

- Phone/fax number:

- *Địa chỉ e-mail:*

- Email address:

6. *Tỷ lệ góp vốn trong liên danh dự kiến:*

6. Expected rate of capital contribution in the partnership:

II. Thông tin về các đối tác cùng thực hiện

II. Information on investor's project partners

TT No.	Tên đối tác ⁽²⁾ Partner's name ⁽²⁾	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động Country of operation	Vai trò tham gia ⁽³⁾ Role ⁽³⁾	Người đại diện theo pháp luật Legal representative	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác ⁽⁴⁾

					Contract or written agreement with project partners⁽⁴⁾
1	Công ty 1 Company 1		[Tổ chức cung cấp tài chính] [Financing organization]		
2	Công ty 2 Company 2		[Nhà thầu xây dựng] [Construction contractor]		
3	Công ty 3 Company 3		[Nhà thầu vận hành/ Quản lý] [Operation /Management Contractor]		
				

Ghi chú/ Note:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. Đồng thời, nhà đầu tư phải nộp kèm theo bản sao văn bản thỏa thuận giữa các thành viên liên danh về việc thực hiện dự án trong đó nêu rõ tỷ lệ góp vốn trong liên danh dự kiến.

(1) In the case of partnership investor, each partnership member must declare information using this Form. In addition, the investor must submit a copy of the partnership members' written agreement regarding to the implementation of the project, clearly stating the expected portion of capital contribution in the partnership.

Nhà đầu tư/thành viên liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

One of the following documents must be attached: Enterprise Registration Certificate, Establishment Decision or any equivalent document issued by a competent authority of the host country where the investor is operating.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án.

(2) The investor must specify the names of its project partners, who jointly execute the project.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(3) The investor must specify each project partner's role in detail.

(*) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

(*) The investor must indicate number of contract or written agreement, enclosed with the certified true photocopy of such documents.

Mẫu số 02

Form No. 02

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾
FINANCIAL CAPABILITY OF INVESTORS⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

1. Name of investor/partnership member:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Financial capability of investor/partnership member:

a) *Tóm tắt các số liệu về tài chính⁽²⁾:*

a) Summary of financial figures⁽²⁾:

STT No.	Nội dung Content	Giá trị Amount
1	<i>Tổng vốn chủ sở hữu</i> Total equity	
2	<i>Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)</i> Litigation-related cost (if any)	
3	<i>Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có)</i> Committed equity for ongoing projects and other long-term investments (if any)	
4	<i>Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định</i> Equity must be retained in accordance with the regulations	
5	<i>Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư</i> Remaining equity of the investor	$(5) = (1) - (2) - (3) - (4)$

b) *Tài liệu đính kèm*

b) Attachments

Đính kèm là tài liệu chứng minh về số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án:

Attached with the documents proving the investor's financial data updated no sooner than 28 days before the deadline for project registration dossier submission:

- *Bản sao báo cáo tài chính được kiểm toán trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (nhà đầu tư có thể sử dụng báo cáo tài chính năm, các báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu).*

- A copy of financial statements audited maximum 28 days prior to the deadline for project registration dossier submission (annual financial statements, mid-year financial statements, reports on equity use can be used by the investor).

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

Financial statements provided by the investor must be in compliance with the law on finance and accounting, which show the separate financial position of the investor or partnership member (if the investor is in a partnership) but not the financial position of an affiliated entity such as a parent company or a subsidiary or a company affiliated with the investor or partnership member.

- *Trường hợp trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án không trùng với kỳ lập báo cáo tài chính hoặc nhà đầu tư không có báo cáo tài chính được kiểm toán trong thời gian này, nhà đầu tư phải cung cấp báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.*

- If the period of 28 days prior to the deadline for project registration dossier submission does not coincide with the financial statement period or the investor does not have audited financial statements during this period, the investor must provide the latest financial statements.

Đồng thời, nhà đầu tư phải kê khai và cung cấp tài liệu chứng minh về sự thay đổi trong các số liệu tài chính từ thời điểm có báo cáo kiểm toán đến thời điểm tham dự thầu (ví dụ như các tài liệu chứng minh việc tăng vốn chủ sở hữu). Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì nhà đầu tư sẽ bị xử lý theo quy định.

At the same time, the investor must declare and provide any documents proving the change in financial data from the time of the audit report is issued to the time of bidding (e.g. the documents proving an increase in equity). The investor is responsible for the declared information. In case the declared information is inaccurate, which leads to falsify the assessment results, the investor will be judged according to the regulations.

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, nhà đầu tư phải nộp báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối đa 28 ngày.

- In case where the investor is an entity newly incorporated in the assessment year, their financial capabilities are assessed with reference to their financial statements audited by an independent audit body in the period of time from the incorporation date to at most 28 days prior to the deadline of project registration dossier submission.

Ghi chú/Note:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(1) In case of a partnership investor, each partnership member must declare information using this Form.

(2) Nhà đầu tư phải kê khai trung thực thông tin theo yêu cầu; đồng thời, phải cung cấp các hồ sơ, tài liệu có liên quan theo yêu cầu của Sở KH&ĐT trong quá trình đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

(2) The investor must honestly declare information as request. At the same time, it must provide the relevant dossiers and documents at the request of the Department of Planning and Investment in the process of investor's capability and experience assessment.

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯƠNG TỰ⁽¹⁾
EXPERIENCE IN IMPLEMENTING SIMILAR PROJECTS⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___
 (Location), day ___ month ___ year ___

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu]

[Investors shall declare their experience in implementing similar projects at the request]

1. Dự án số 01: ___ [ghi tên dự án]

1. Project No. 01: ___ [project name]

Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh/đối tác cùng thực hiện dự án

Name of investor/partnership member/project partner

1	Số hợp đồng: Contract number:	Ngày ký: Signing date:
2	Tên dự án/gói thầu: Name of project/package:	
3	Lĩnh vực đầu tư của dự án Investment field of the project	
4	Tham gia dự án với vai trò: Role in the project: <input type="checkbox"/> Nhà đầu tư độc lập/Independent investor <input type="checkbox"/> Thành viên liên danh/Partnership member <input type="checkbox"/> Nhà thầu chính/Main contractor	
5	Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Name of competent State agency/representative of competent State agency (for projects); employer/its representative (for packages) Địa chỉ/Address: Tên người liên lạc/ Name of contact person: Điện thoại/ Phone number: Fax: Email:	

6	<i>Thông tin chi tiết</i> Details
6.1	<p><i>Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư/thành viên liên danh</i> Role in the project as an investor/partnership member</p> <p><i>Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án</i>⁽²⁾: Project implementation progress and quality⁽²⁾:</p> <p><i>Tổng mức đầu tư:</i> Total investment:</p> <p><i>Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):</i> Portion of capital contribution (for partnership investor):</p> <p><i>Vốn chủ sở hữu đã được huy động:</i> Equity mobilized:</p> <p><i>Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:</i> Summary of similar characteristics between completed projects and considered project:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện:</i> - Summary of tasks implemented: - <i>Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện:</i> - Value of tasks implemented: <i>(Giá trị và loại tiền tệ) tương đương ... VND</i> (Value and currency) equivalent to ... VND <ul style="list-style-type: none"> - <i>Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện:</i> - Summary of tasks to be completed: - <i>Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện:</i> - Value of tasks to be completed: <i>(Giá trị và loại tiền tệ) tương đương ... VND</i> (Value and currency) equivalent to ... VND <p><i>Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:</i> Disputes and litigation records:</p> <p><i>Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:</i> Summary of special technical specifications/operations:</p>

6.2	<i>Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu</i> In case of role in the project as a contractor
	<i>Phạm vi công việc tham gia thực hiện:</i> Scope of tasks implemented:
	<i>Giá trị phần công việc tham gia thực hiện:</i> Value of tasks implemented:
	<i>Tiến độ, chất lượng thực hiện⁽³⁾:</i> Implementation progress and quality ⁽³⁾ :
	<i>Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:</i> Disputes and litigation records:
	<i>Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:</i> Summary of requirements related to special specifications:

2. Dự án số 02: _____ [ghi tên dự án]

2. Project No. 02: _____ [project name]

...

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

Legal representative of Investor

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

[name, title, signature and seal (if any)]

Ghi chú/Note:

(1) Yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này có thể được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với yêu cầu sơ bộ về năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư.

(1) The information required in this Form may be adjusted and supplemented to meet the preliminary requirements of capability and experience of investors.

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu)...

(2), (3) The investor must provide any documents proving the declared information and the progress as well as quality of the contract performance such as notarized copies of the contract, minutes of acceptance, minutes of contract liquidation, certification of the competent State agency/its representative (for projects), employer/its representative (for packages) etc.

(*) Nhà đầu tư phải kê khai trung thực thông tin theo yêu cầu; đồng thời, phải cung cấp các hồ sơ, tài liệu có liên quan theo yêu cầu của Sở KH&ĐT trong quá trình đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

(*) The investor must honestly declare information upon request. At the same time it must provide the relevant dossiers and documents at the request of the Department of Planning and Investment in the process of the investor's capability and experience.

]